

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 35

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lưu hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023
Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023
Ông Tạ Long Hỷ	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Đặng Thành Duy

từ ngày 8 tháng 12 năm 2023

Ông Tạ Long Hỷ

đến ngày 8 tháng 12 năm 2023

Bà Đặng Thị Lan Phương, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Đặng Thành Duy ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11658649/66916454

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		519.644.662.959	705.382.380.271
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	101.359.366.834	187.667.015.561
111	1. Tiền		46.359.366.834	57.667.015.561
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	130.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		275.800.000.000	340.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	275.800.000.000	340.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		128.260.340.303	161.547.399.959
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	107.704.230.095	122.506.173.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.137.635.413	12.250.152.343
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	20.911.145.780	31.636.458.689
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(1.492.670.985)	(4.845.384.169)
140	IV. Hàng tồn kho		5.654.535.250	5.806.385.701
141	1. Hàng tồn kho	10	5.654.535.250	5.806.385.701
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.570.420.572	9.561.579.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	8.455.729.251	9.446.887.729
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	114.691.321	114.691.321
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.093.217.039.529	1.096.331.357.963
210	I. Khoản phải thu dài hạn		902.996.000	7.224.712.400
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	-	6.052.664.200
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	902.996.000	1.172.048.200
220	II. Tài sản cố định		997.130.114.917	1.003.373.074.068
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	746.069.259.693	803.926.207.665
222	Nguyên giá		1.535.467.674.936	1.607.045.804.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(789.398.415.243)	(803.119.596.616)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	250.827.208.272	199.446.866.403
225	Nguyên giá		318.858.181.756	249.829.090.920
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(68.030.973.484)	(50.382.224.517)
227	3. Tài sản cố định vô hình		233.646.952	-
228	Nguyên giá		2.264.221.000	1.966.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.030.574.048)	(1.966.221.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.601.954.545	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	4.601.954.545	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		43.920.000.000	36.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	14	43.920.000.000	36.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		46.661.974.067	49.733.571.495
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	46.661.974.067	49.733.571.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.612.861.702.488	1.801.713.738.234


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		461.836.708.429	432.853.291.400
310	I. Nợ ngắn hạn		168.605.861.915	168.404.220.787
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	18.058.238.806	14.766.380.633
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		238.207.669	711.894.284
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	9.524.413.367	9.025.916.441
314	4. Phải trả người lao động		7.858.067.399	7.636.284.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.392.107.290	20.575.578.176
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.943.290.862	2.792.326.932
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	27.884.364.696	33.863.380.569
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	91.554.222.372	78.879.510.076
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		152.949.454	152.949.454
330	II. Nợ dài hạn		293.230.846.514	264.449.070.613
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	110.622.807.582	108.921.615.905
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	182.608.038.932	155.527.454.708
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.151.024.994.059	1.368.860.446.834
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	1.151.024.994.059	1.368.860.446.834
411	1. Vốn cổ phần		678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.815.438.147	334.650.890.922
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	171.193.214.516
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		116.815.438.147	163.457.676.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.612.861.702.488	1.801.713.738.234


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.119.551.581.924	997.359.153.288
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(881.062.290.776)	(720.658.539.121)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		238.489.291.148	276.700.614.167
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	35.043.415.404	22.056.752.056
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	(24.008.880.122) (23.978.619.466)	(10.052.998.830) (10.037.804.532)
25	6. Chi phí bán hàng	27, 29	(67.958.260.824)	(57.535.702.142)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(80.114.585.285)	(82.863.848.068)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.450.980.321	148.304.817.183
31	9. Thu nhập khác	28	43.978.721.000	25.043.910.482
32	10. Chi phí khác	28	(2.987.436.496)	(2.341.352.816)
40	11. Lợi nhuận khác	28	40.991.284.504	22.702.557.666
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		142.442.264.825	171.007.374.849
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.1	-	(1.449.582.578)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		142.442.264.825	169.557.792.271


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng




Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		142.442.264.825	171.007.374.849
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	29	217.874.313.374	182.827.281.355
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(103.298.092)	(212.899.563)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(49.444.607.640)	(22.041.582.517)
06	Chi phí lãi vay	26	23.978.619.466	10.037.804.532
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		334.747.291.933	341.617.978.656
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.963.121.696	(28.004.216.425)
10	Giảm hàng tồn kho		151.850.451	276.542.863
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(11.388.948.990)	22.746.825.435
12	Giảm chi phí trả trước		4.062.755.906	566.191.585
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.818.009.252)	(10.646.740.911)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		305.718.061.744	326.556.581.203
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(174.947.136.292)	(321.525.536.245)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		83.660.674.358	178.776.806.648
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(685.800.000.000)	(610.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		750.800.000.000	471.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4	(7.920.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		38.139.346.143	16.000.286.245
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.932.884.209	(265.748.443.352)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22.3	61.831.940.000	145.877.840.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	22.3	(42.275.494.658)	(134.909.280.525)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22.3	(56.001.148.822)	(46.628.016.662)
36	Cổ tức đã trả	23.2	(359.513.891.200)	(42.262.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(395.958.594.680)	(35.701.719.187)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(86.307.648.727)	25.106.418.664
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		187.667.015.561	162.560.596.897
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	101.359.366.834	187.667.015.561



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.439 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.523).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty con là công ty Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam như được trình bày tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua thêm cổ phần của công ty con hiện hữu

Vào ngày 2 tháng 6 năm 2023, Công ty đã mua thêm 9% cổ phần Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam với tổng giá phí là 7.920.000.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 90% lên 99% vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	32.781.974.484	37.482.051.773
Tiền gửi ngân hàng	13.570.071.350	20.184.963.788
Tiền đang chuyển	7.321.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>55.000.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>101.359.366.834</u>	<u>187.667.015.561</u>

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất 2,0% - 3,2%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 6%/năm).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 8,3%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 3,7% đến 10,5%/năm).

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	107.704.230.095	122.506.173.096
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	73.372.378.006	74.079.209.466
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	21.308.671.510	39.833.298.310
Phải thu tiền khách vãng lai	7.316.677.837	5.159.212.985
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	513.325.694	1.269.933.455
Khác	5.193.177.048	2.164.518.880
Dài hạn	-	6.052.664.200
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	-	6.052.664.200
TỔNG CỘNG	<u>107.704.230.095</u>	<u>128.558.837.296</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(542.975.608)</u>	<u>(1.624.738.358)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>107.161.254.487</u>	<u>126.934.098.938</u>

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.624.738.358	1.679.430.443
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	236.935.410	277.372.401
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.318.698.160)</u>	<u>(332.064.486)</u>
Số cuối năm	<u>542.975.608</u>	<u>1.624.738.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước mua tài sản cố định	150.000.000	10.360.000.000
Khác	987.635.413	1.890.152.343
TỔNG CỘNG	1.137.635.413	12.250.152.343

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.911.145.780	31.636.458.689
Lãi tiền gửi	5.387.571.518	8.531.209.855
Tạm ứng cho nhân viên	3.213.817.920	5.781.362.705
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	2.380.884.211	1.413.669.689
Ký quỹ, ký cược	1.925.310.000	1.529.255.333
Tiền trả trước liên quan đến sử dụng thẻ taxi (Thuyết minh số 31)	1.578.840.009	7.635.885.009
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	1.532.780.796	2.377.471.629
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	224.586.784	291.700.251
phải thu tài xế và nhân viên	4.667.354.542	4.075.904.218
Khác	902.996.000	1.172.048.200
Dài hạn	902.996.000	1.172.048.200
Ký quỹ, ký cược	902.996.000	1.172.048.200
TỔNG CỘNG	21.814.141.780	32.808.506.889
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(949.695.377)	(3.220.645.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	20.864.446.403	29.587.861.078

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.220.645.811	2.823.335.922
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	75.595.944	446.080.099
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.346.546.378)	(48.770.210)
Số cuối năm	949.695.377	3.220.645.811

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	7.489.599.993	1.595.559.496.459	3.996.707.829	1.607.045.804.281
Mua mới trong năm	2.009.636.364	138.992.999.983	-	141.002.636.347
Mua lại tài sản có định thuế tài chính (Thuyết minh số 12)	-	46.425.454.564	-	46.425.454.564
Thanh lý	-	(259.006.220.256)	-	(259.006.220.256)
Số cuối năm	9.499.236.357	1.521.971.730.750	3.996.707.829	1.535.467.674.936
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	7.437.245.448	60.709.943.254	3.996.707.829	72.143.896.531
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	7.449.994.750	791.782.559.449	3.887.042.417	803.119.596.616
Khấu hao trong năm	274.218.628	176.816.326.503	109.665.412	177.200.210.543
Mua lại tài sản có định thuế tài chính (Thuyết minh số 12)	-	22.961.000.816	-	22.961.000.816
Thanh lý	-	(213.882.392.732)	-	(213.882.392.732)
Số cuối năm	7.724.213.378	777.677.494.036	3.996.707.829	789.398.415.243
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	39.605.243	803.776.937.010	109.665.412	803.926.207.665
Số cuối năm	1.775.022.979	744.294.236.714	-	746.069.259.693
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 22.1)	-	281.249.164.512	-	281.249.164.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>
	<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	249.829.090.920
Thuê mới trong năm	115.454.545.400
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 11</i>)	<u>(46.425.454.564)</u>
Số cuối năm	<u>318.858.181.756</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	50.382.224.517
Khấu hao trong năm	40.609.749.783
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 11</i>)	<u>(22.961.000.816)</u>
Số cuối năm	<u>68.030.973.484</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>199.446.866.403</u>
Số cuối năm	<u>250.827.208.272</u>

Công ty thuê phương tiện vận tải hiện đang được sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Công ty có thể mua lại phương tiện vận tải tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 22.2.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>
	<i>Số cuối năm</i> <i>Số đầu năm</i>
Phương tiện vận tải	<u>4.601.954.545</u> <u>-</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</i>
	<i>VND</i>	<i>(%)</i>	<i>VND</i>	<i>(%)</i>
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	<u>43.920.000.000</u>	<u>99</u>	<u>36.000.000.000</u>	<u>90</u>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKDN số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.455.729.251	9.446.887.729
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự	5.917.171.233	6.312.342.633
Phí bảo trì đường bộ	1.339.963.000	2.198.499.000
Công cụ, dụng cụ	43.664.474	43.903.209
Khác	1.154.930.544	892.142.887
Dài hạn	46.661.974.067	49.733.571.495
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	44.586.981.544	45.898.363.360
Công cụ, dụng cụ	1.824.633.335	3.279.545.830
Khác	250.359.188	555.662.305
TỔNG CỘNG	55.117.703.318	59.180.459.224

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	5.184.676.426	3.459.793.460
Nhà cung cấp xăng	3.475.121.869	2.633.432.275
Nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị	1.194.823.287	2.148.953.201
Nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe	1.332.784.648	1.967.495.900
Nhà cung cấp khác trong nước	6.870.832.576	4.556.705.797
TỔNG CỘNG	18.058.238.806	14.766.380.633

17. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	114.691.321	-	-	114.691.321
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.266.506.513	106.542.398.489	(105.857.658.843)	8.951.246.159
Thuế thu nhập cá nhân	759.409.928	12.963.000.500	(13.149.243.220)	573.167.208
Thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
TỔNG CỘNG	9.025.916.441	119.517.398.989	(119.018.902.063)	9.524.413.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng và phúc lợi của nhân viên	10.721.460.794	19.000.819.428
Khác	670.646.496	1.574.758.748
TỔNG CỘNG	11.392.107.290	20.575.578.176

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	488.270.280	1.458.494.671
Khác	1.455.020.582	1.333.832.261
TỔNG CỘNG	1.943.290.862	2.792.326.932

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	9.961.858.136	14.970.345.437
Chia sẻ lợi nhuận cho bên cho thuê	3.088.000.000	2.464.000.000
Bảo hiểm vật chất xe	2.393.948.384	1.915.723.536
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.277.015.836	5.540.164.836
Chi phí lãi vay	966.363.222	805.753.008
Cổ tức phải trả	554.088.900	414.262.500
Khác	8.643.090.218	7.753.131.252
TỔNG CỘNG	27.884.364.696	33.863.380.569

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	55.984.193.298	53.553.281.652
Nhận ký quỹ từ khách hàng	50.424.498.267	50.972.366.470
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.422.116.017	3.603.967.783
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
TỔNG CỘNG	110.622.807.582	108.921.615.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	91.554.222.372	78.879.510.076
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	51.927.445.080	36.469.460.064
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	39.626.777.292	42.410.050.012
Dài hạn	182.608.038.932	155.527.454.708
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	103.004.040.034	98.905.579.708
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 22.2)	79.603.998.898	56.621.875.000
TỔNG CỘNG	<u>274.162.261.304</u>	<u>234.406.964.784</u>

22.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Công ty có các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi với chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11)
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	121.194.985.114	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 11 năm 2027	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3,3%	399 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	33.736.500.000	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2024 đến ngày 12 tháng 10 năm 2026	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3,5 %	108 xe
TỔNG CỘNG	<u>154.931.485.114</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	51.927.445.080			
Vay dài hạn	103.004.040.034			

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế phương tiện tài theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	
Dưới 1 năm	48.225.997.939	8.599.220.647	49.454.141.741	7.044.091.729	42.410.050.012
Từ 1 - 5 năm	86.727.601.017	7.123.602.119	63.732.279.948	7.110.404.948	56.621.875.000
TỔNG CỘNG	134.953.598.956	15.722.822.766	113.186.421.689	14.154.496.677	99.031.925.012

22.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm		Số cuối năm		VND
	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	
Vay ngân hàng	135.375.039.772	(42.275.494.658)	61.831.940.000	(56.001.148.822)	154.931.485.114
Nợ thuế tài chính	99.031.925.012	(98.276.643.480)	76.200.000.000	(98.276.643.480)	119.230.776.190
TỔNG CỘNG	234.406.964.784	(138.552.138.138)	138.031.940.000	(154.277.792.302)	274.162.261.304

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	171.193.214.516	1.205.402.770.428
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	169.557.792.271	169.557.792.271
Trích khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(5.476.115.865)	(5.476.115.865)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	334.650.890.922	1.368.860.446.834
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	334.650.890.922	1.368.860.446.834
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	142.442.264.825	142.442.264.825
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(359.653.717.600)	(359.653.717.600)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	116.815.438.147	1.151.024.994.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	359.653.717.600	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	359.513.891.200	42.262.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 25 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 8% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 54.287.353.600 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 vào ngày 13 tháng 7 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt tại mức 45% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 305.366.364.000 VND.

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	922.997.410.552	792.493.271.002
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	174.095.827.973	179.579.518.202
Khác	22.458.343.399	25.286.364.084
TỔNG CỘNG	<u>1.119.551.581.924</u>	<u>997.359.153.288</u>

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	34.995.707.806	22.041.580.920
Khác	47.707.598	15.171.136
TỔNG CỘNG	<u>35.043.415.404</u>	<u>22.056.752.056</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	713.763.647.052	556.977.366.846
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	147.281.069.230	141.351.194.475
Khác	20.017.574.494	22.329.977.800
TỔNG CỘNG	<u>881.062.290.776</u>	<u>720.658.539.121</u>

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.978.619.466	10.037.804.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.260.656	15.194.298
TỔNG CỘNG	<u>24.008.880.122</u>	<u>10.052.998.830</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	67.958.260.824	57.535.702.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.471.263.267	32.405.200.908
Chi phí nhân viên	30.070.945.595	24.452.850.838
Khác	1.416.051.962	677.650.396
Chi phí quản lý doanh nghiệp	80.114.585.285	82.863.848.068
Chi phí nhân viên	38.978.347.621	49.518.919.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.607.035.381	26.294.468.049
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.054.382.938	2.225.350.751
Khác	8.474.819.345	4.825.110.262
TỔNG CỘNG	148.072.846.109	140.399.550.210

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNDdạ kh	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	43.978.721.000	25.043.910.482
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	23.378.629.270	17.765.259.041
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	14.448.899.834	1.597
Khác	6.151.191.896	7.278.649.844
Chi phí khác	(2.987.436.496)	(2.341.352.816)
Chi phí quảng cáo trên taxi	(2.713.088.000)	(1.816.990.000)
Khác	(274.348.496)	(524.362.816)
LỢI NHUẬN KHÁC	40.991.284.504	22.702.557.666

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	440.522.324.448	303.865.057.902
Chi phí nhân viên	240.201.886.380	260.164.259.454
Chi phí khấu hao và hao mòn	217.874.313.374	182.827.281.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.544.369.969	84.267.899.928
Khác	39.992.242.714	29.933.590.692
TỔNG CỘNG	1.029.135.136.885	861.058.089.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.449.582.578
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
TỔNG CỘNG	-	1.449.582.578

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.442.264.825	171.007.374.849
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	28.488.452.965	34.201.474.970
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.241.802.012	805.047.578
Chuyển chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	(55.079.188)
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời	(60.494.717)	1.027.997.921
Lỗi năm trước chuyển sang	(29.669.760.260)	(34.529.858.703)
Chi phí thuế TNDN	-	1.449.582.578

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 81.133.013.147 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 229.481.814.445 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2021	2026	<u>233.931.727.555</u>	<u>(152.798.714.408)</u>	-	<u>81.133.013.147</u>

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng.

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
	Số tiền
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 30.3)	81.133.013.147
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.422.116.017
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	1.415.400.000
TỔNG CỘNG	<u>85.970.529.164</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con
Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:	

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Chi phí trả hộ Thanh lý xe	8.307.350.657 -	8.489.627.944 19.500.292.725

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Tiền trả trước liên quan đến sử dụng thẻ taxi	<u>1.578.840.009</u>	<u>7.635.885.009</u>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

			Năm nay	Năm trước	VND
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	từ ngày 8 tháng 12 năm 2023	1.025.280.000	462.400.000	
Ông Đặng Phước Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 8 tháng 12 năm 2023	1.098.480.000	436.160.000	
Ông Đặng Thành Duy	Chủ tịch	từ ngày 8 tháng 12 năm 2023	943.320.000	394.720.000	
Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	đến ngày 8 tháng 12 năm 2023	1.019.280.000	458.560.000	
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc		987.360.000	445.120.000	
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc		970.560.000	428.320.000	
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc		970.560.000	428.320.000	
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc		615.360.000	347.520.000	
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc		660.960.000	347.520.000	
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc		635.520.000	343.631.667	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT		126.000.000	64.000.000	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT		126.000.000	64.000.000	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT		126.000.000	64.000.000	
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT		126.000.000	64.000.000	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT		126.000.000	64.000.000	
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát		80.000.000	40.000.000	
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát		63.000.000	32.000.000	
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Ban kiểm soát		63.000.000	32.000.000	
			9.762.680.000	4.516.271.667	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.713.285.140	3.001.551.808
Từ 1 - 5 năm	1.456.691.184	2.971.509.668
TỔNG CỘNG	<u>4.169.976.324</u>	<u>5.973.061.476</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 - 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	5.760.000.000	8.640.000.000
TỔNG CỘNG	<u>23.040.000.000</u>	<u>25.920.000.000</u>

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	VND	
<i>Nợ khó đòi đã xử lý (*)</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ lái xe nghỉ việc	2.245.995.108	-
Phải thu từ các khách hàng	1.185.271.750	-
TỔNG CỘNG	<u>3.431.266.858</u>	<u>-</u>

(*) Trong năm, Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm và được lập dự phòng 100% trong các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

